



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-02-2018- Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.

3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

12-12-2017- Quyết định số 6432/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

21

- 28-12-2017- Quyết định số 6667/QĐ-UBND về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018. 31
- 20-01-2018- Chỉ thị số 01/CT-UBND về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2018. 45
- 05-02-2018- Chỉ thị số 02/CT-UBND về việc phát động phong trào thi đua Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. 50
- 05-02-2018- Quyết định số 502/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực. 54
- 08-02-2018- Quyết định số 592/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 80

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ

về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới

thành phố tại Tờ trình số 805/TTr-VPĐP-NV ngày 26 tháng 12 năm 2017; và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 20555/STP-VB ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành quy định cơ chế về quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở - ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới 56 xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 56 xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố.)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Việc ban hành Quy định này nhằm thực hiện chủ trương của Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định cơ chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất, đời sống văn hóa xã hội, bảo vệ môi trường và cơ chế huy động, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã trên địa bàn thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 (gọi tắt là Chương trình).

2. Đối tượng được áp dụng bao gồm các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư các dự án từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải

hướng tới thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về Ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020 và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn các xã.

3. Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020 phải gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với quy hoạch tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư các dự án phải đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước.

5. Đảm bảo công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; phát huy vai trò làm chủ của cộng đồng dân cư, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cộng đồng, đánh giá.

6. Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong đầu tư xây dựng nông thôn mới.

7. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư các công trình, dự án cho những xã có nỗ lực cao trong huy động cộng đồng tham gia thực hiện các công trình, dự án: Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn thực hiện.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Điều 4. Chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng

1. Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã (sau đây gọi tắt là Ban quản lý xã) là chủ đầu tư các dự án, nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Trong trường hợp, đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư, Ban quản lý xã chuyển cho Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư, có sự tham gia của lãnh đạo Ban quản lý xã hoặc ký kết hợp đồng với Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình khu vực hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc đơn vị tư vấn có chức năng chuyên môn để thực hiện quản lý dự án theo quy định”.

Ban Quản lý xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập theo quy định Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2. Ban quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật. Ban Quản lý xã có nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức xây dựng quy hoạch, xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn và kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng nông thôn mới của xã, lấy ý kiến các cộng đồng dân cư trong toàn xã và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện, giám sát các hoạt động thực thi các dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã.

c) Quản lý và triển khai thực hiện các dự án, công trình do xã làm chủ đầu tư bao gồm các bước từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, nghiệm thu bàn giao và đưa dự án, công trình vào khai thác, sử dụng.

d) Được ký các hợp đồng kinh tế với các đơn vị có tư cách pháp nhân, cộng đồng hoặc cá nhân cung cấp hàng hóa, xây lắp và dịch vụ để thực hiện các dự án, công trình đầu tư.

Điều 5. Quy trình lập kế hoạch đầu tư thực hiện Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

1) Quy trình lập kế hoạch đầu tư : thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư 01/2017/BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2) Trình duyệt kế hoạch đầu tư trung hạn: Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, thẩm định và phê duyệt kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và cân đối nguồn vốn đầu tư công.

3) Trình tự lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công:

Căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, chủ đầu tư thực hiện công tác thẩm định, trình duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công.

Đối với dự án nhóm C (trừ dự án trọng điểm), Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan, đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Căn cứ hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân huyện giao đơn vị trực thuộc có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân huyện lập danh mục dự án nhóm C gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đúng Đề án đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Trường hợp các dự án có thay đổi về quy mô hoặc tổng mức đầu tư phải báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận trước khi thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

d) Giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện Báo cáo theo nội dung đã được thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Ban quản lý xã (chủ đầu tư các dự án) hoặc đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân, có chức năng lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình theo đúng quy mô dự án, công trình của Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của xã được phê duyệt và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

a) Trường hợp chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình đầu tư hạ tầng có thay đổi tăng quy mô, không thay đổi kết cấu, không vượt tổng mức đầu tư (vốn ngân sách) so với danh mục công trình trong Đề án được

phê duyệt thì Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trước khi quyết định đầu tư dự án theo quy định.

b) Trường hợp chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình đầu tư hạ tầng có thay đổi 01 trong các nội dung: giảm quy mô, thay đổi kết cấu, vượt tổng mức đầu tư (vốn ngân sách) so với danh mục công trình trong Đề án được phê duyệt và danh mục dự án đã thông qua chủ trương đầu tư thì Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện phải trình Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương trước khi quyết định đầu tư.

c) Các chương trình, dự án được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư công, Điều 61 Luật xây dựng. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án sau khi thực hiện kiểm tra, đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, ấp có thời gian thực hiện dưới 02 năm hoặc giá trị công trình đến 03 tỷ đồng, chủ đầu tư tự lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực mới thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện). Nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán.

Đối với các công trình có giá trị trên 03 tỷ đồng thì việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện.

Kinh phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

3. Cấp quyết định đầu tư: thực hiện theo Luật đầu tư công.

4. Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: thực hiện theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 7. Lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Các hình thức lựa chọn: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 2 hình thức:

- Lựa chọn theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng (các cộng đồng dân cư ấp, cấp những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình tự thực hiện xây dựng và lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng).

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

** Khuyến khích thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng.*

2. Cách thức lựa chọn: thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 10 Thông tư số 26/2011/TTLT – BNNPTNT-BKHĐT – BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 8. Giám sát hoạt động xây dựng: Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 9. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình

1. Nghiệm thu công trình: Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện ban quản lý xã; đại diện các đơn vị: Tư vấn thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát; đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện ban giám sát cộng đồng và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình.

2. Công tác nghiệm thu theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

3. Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ủy ban nhân dân xã để giao đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

CHƯƠNG III

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2017 – 2020

Điều 10. Nguồn vốn thực hiện và cơ chế huy động vốn

1. Nguồn vốn thực hiện: Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để thực hiện Chương trình:

a) Vốn ngân sách nhà nước (thành phố và huyện, xã), bao gồm:

- Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai và sẽ tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo trên địa bàn.

- Vốn ngân sách thành phố bố trí trực tiếp cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn vốn từ ngân sách huyện và ngân sách xã trong đầu tư mới, duy tu, bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng và các nội dung nâng chất xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã.

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có): Để đầu tư các dự án, chương trình theo Nghị quyết của Quốc hội.

c) Nguồn vốn tín dụng, bao gồm: Vốn tín dụng đầu tư phát triển của thành phố và vốn tín dụng thương mại.

d) Vốn đầu tư của doanh nghiệp.

e) Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

g) Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

h) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Cơ chế huy động:

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, bao gồm: Các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo và vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới - bao gồm cả trái phiếu Chính phủ (nếu có).

b) Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Địa phương được cấp lại 100% số tiền thu được từ đấu giá quyền sử

dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn (sau khi đã trừ đi chi phí) để thực hiện đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới, nhưng không vượt quá tổng mức vốn đầu tư theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể: Ủy ban nhân dân xã theo từng nội dung, dự án, công trình, vận động người dân tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của xã bằng các hình thức phù hợp, trên cơ sở phát huy dân chủ để người dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp, tổng hợp trình Hội đồng nhân dân xã quyết định.

e) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

g) Các nguồn vốn tín dụng: Vốn tín dụng đầu tư phát triển của thành phố và vốn tín dụng thương mại.

h) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 11. Lập Kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư:

1. Lập Kế hoạch:

a) Nguyên tắc lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã:

- Lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã.

- Quá trình lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải có sự tham gia của chính quyền, các tổ chức đoàn thể, người dân hưởng lợi và cộng đồng.

- Việc lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã phải làm rõ khả năng huy động nguồn vốn thực hiện chương trình gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền thông báo dự kiến, nguồn vốn huy động từ cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác; cơ chế thực hiện; đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung, hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã.

b) Lập, tổng hợp kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới trên địa bàn cấp xã:

- Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban Quản lý xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; thông báo các nội dung, hoạt động của chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến triển khai trên địa bàn xã đến người dân thụ hưởng và cộng đồng.

- Ban Quản lý xã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Nội dung của kế hoạch bao gồm: danh mục và nội dung chủ yếu của các hoạt động, công trình, dự án cần thực hiện trong kỳ kế hoạch; đề xuất đơn vị chủ trì thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thảo luận lấy ý kiến công khai vào kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; hoàn thiện kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cho ý kiến và tổng hợp.

2. Phân bổ kế hoạch vốn:

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02, mã Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục số 04 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

Cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc.

Việc phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn cho các dự án phải hoàn thành trước 31/12 năm trước năm kế hoạch. Trường hợp được giao bổ sung kế hoạch, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao kế hoạch bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao kế hoạch theo quy định.

Kiểm tra phân bổ: Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban

nhân dân các cấp, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư theo nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 12. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới từ ngân sách đều phải quản lý và kiểm soát thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc nhà nước.

2. Đối với các nguồn vốn huy động đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý thu và chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành (nếu đóng góp bằng ngoại tệ thì ngoại tệ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Kho bạc Nhà nước công bố hàng tháng).

b) Trường hợp đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động:

Các nguồn vốn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) và căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

c) Trường hợp người dân tặng cho quyền sử dụng đất (hiền đất) để xây dựng công trình:

Người sử dụng đất phải lập văn bản tặng cho quyền sử dụng đất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Sau khi hoàn thành xây dựng công trình trên đất được tặng cho, căn cứ văn bản tặng cho quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và thông báo cho người sử dụng đất nộp Giấy chứng nhận đã cấp để xác nhận thay đổi. Trường hợp người sử dụng đất tặng cho toàn bộ diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận thì thu hồi Giấy chứng nhận để quản lý”.

d) Việc huy động đóng góp của người dân phải được bàn bạc dân chủ và phải được sự đồng tình của người dân. Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bất

buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp. Đồng thời phải tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu và tự nguyện tham gia”.

3. Tạm ứng vốn:

Nguyên tắc tạm ứng, mức vốn tạm ứng; bảo lãnh tạm ứng vốn; thu hồi vốn tạm ứng; kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Điều 9 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020”.

Hồ sơ tạm ứng vốn: Đề được tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Thanh toán khối lượng hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020”.

Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 10 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Điều 13. Chi phí quản lý dự án

- Định mức chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Nội dung chi phí quản lý, thẩm định, phê duyệt dự toán và thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 14. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm.

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 210/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ hàng năm, Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 về xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.

a) Đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

b) Đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020. Trong đó quy định:

- Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành; định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung liên quan khác: thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

- Đối với dự án do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư:

Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA kèm theo Thông tư số

349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Trường hợp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

+ Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

+ Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị liên quan.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 chưa được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp thẩm quyền ***phải thực hiện cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này.***

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện là cơ quan chỉ đạo kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện Quy định này đối với các Đề án xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới tại các xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2017-2020.

2. Trách nhiệm của Sở - ngành:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã và chủ đầu tư giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện công tác quản lý đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã xây dựng nông thôn mới.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở-ngành liên quan hướng dẫn Ủy

ban nhân dân xã và chủ đầu tư giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện quản lý nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã xây dựng nông thôn mới.

- Giao Sở Xây dựng hướng dẫn Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện giám sát công trình theo quy định.

- Giao Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng lập thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã và chủ đầu tư trong việc thực hiện Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

- Giao Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Chỉ đạo trung ương theo định kỳ 6 tháng và cả năm.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện:

Chỉ đạo các phòng, ban liên quan thuộc huyện quản lý tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, chấn chỉnh sai sót trong việc thực hiện công tác quản lý đầu tư và xây dựng và quản lý nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã xây dựng nông thôn mới.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, xã:

- Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các Phòng chuyên môn liên quan thuộc huyện chịu trách nhiệm thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; thẩm định dự toán và thẩm tra quyết toán chi phí quản lý dự án.

- Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm phê duyệt hồ sơ xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật; phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án, công trình do xã quyết định đầu tư; phê duyệt dự toán và quyết toán chi phí quản lý dự án của chủ đầu tư đối với các dự án, công trình do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra hướng dẫn Ban quản lý xã trong công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý nguồn vốn đầu tư các dự án, công trình xây dựng nông thôn mới. Kịp thời chấn chỉnh các sai sót của Ban quản lý xã (nếu có). Định kỳ, 06 tháng (trước ngày 15) Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý nguồn vốn đầu tư các dự án, công trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Trong quá trình triển khai các công trình, dự án có nguồn vốn huy động ngoài ngân sách thì phải thực hiện xong nội dung huy động đóng góp mới bắt đầu khởi công triển khai công trình, dự án.

- Định kỳ, căn cứ vào số liệu báo cáo của các chủ đầu tư, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới huyện tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình xây dựng nông thôn mới các xã gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 05 mỗi tháng (báo cáo tháng), trước ngày 10 tháng đầu quý sau (báo cáo quý) và trước ngày 15 tháng 01 năm sau (báo cáo năm). Riêng số liệu giải ngân vốn, trước khi gửi báo cáo, yêu cầu các chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu có xác nhận của Kho bạc nhà nước tại nơi mở tài khoản.

- Báo cáo định kỳ hàng quý, năm thực hiện theo quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 do Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố hướng dẫn.

4. Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới các huyện chỉ đạo các phòng, ban, ngành, các xã, các đơn vị liên quan tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn, Mặt trận Tổ quốc và cơ quan đoàn thể xã hội các cấp, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần thiết bổ sung, điều chỉnh, các Sở - ngành và các địa phương liên quan phản ánh về Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để phối hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6432/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật
năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 19683/TTr-STP-THPL ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6432/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Để triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố, qua đó kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Yêu cầu:

- Bảo đảm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, các cấp chính quyền.

- Phát huy hiệu quả sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sự tham gia tích cực của các tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện về nhân lực và kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Việc thực hiện Kế hoạch phải được triển khai đồng bộ trên địa bàn thành phố, xác định trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, ngành, đơn vị một cách rõ ràng, công khai, minh bạch.

II. LĨNH VỰC THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

1. Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách thành phố, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp về thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018, Sở Tư pháp chịu trách nhiệm khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xác định, lựa chọn lĩnh vực trọng tâm bổ sung vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 để triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu theo dõi tình hình thi hành pháp luật có trọng tâm, trọng điểm.

2. Các Sở-ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận-huyện chủ động rà soát, tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và đối với các lĩnh vực pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý của mình một cách thường xuyên, toàn diện.

III. NỘI DUNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện thực hiện theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Chương II Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, trong đó chú trọng, xem xét đánh giá các nội dung sau:

1. Tính thống nhất, đồng bộ, tính khả thi của các quy định pháp luật đề kịp thời đề xuất, kiến nghị xử lý những nội dung, quy định chồng chéo, thiếu đồng bộ, không khả thi hoặc những khoảng trống pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục hành chính trong lĩnh vực được lựa chọn đề kịp thời chủ động đề xuất, kiến nghị ban hành thủ tục hành chính mới, hoặc sửa đổi, hủy bỏ những thủ tục hành chính không còn phù hợp, không cần thiết, gây cản trở, khó khăn, ảnh

hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

3. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.

4. Tình hình tuân thủ pháp luật khi áp dụng trên thực tiễn.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật:

Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp để phục vụ cho việc đánh giá về tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành hoặc của địa phương mình. Việc xử lý thông tin thu thập được thực hiện theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

Thời gian thực hiện: cả năm 2018.

2. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật:

Giám đốc Sở Tư pháp căn cứ lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của năm và yêu cầu thực tế của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các Sở-ban, ngành thành phố triển khai Kế hoạch kiểm tra liên ngành; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật, với thành phần Đoàn kiểm tra gồm: lãnh đạo Sở Tư pháp làm Trưởng đoàn, đại diện các Sở -ban- ngành có liên quan đến nội dung, phạm vi kiểm tra đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, có mời đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan khác cùng tham gia đoàn kiểm tra liên ngành.

Thời gian thực hiện: Quý III năm 2018

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra đối với lĩnh vực trọng tâm, tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thành phố hoặc giao các Sở-ban, ngành thành phố tổ chức kiểm tra đối với những lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của các Sở-ban, ngành thành phố có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập.

3. Điều tra, khảo sát:

- Sở (ngành) được phân công là đơn vị chủ trì thực hiện theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm liên ngành tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP.

- Căn cứ yêu cầu về việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, Sở Tư pháp chủ động quyết định tổ chức hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP.

Thời gian thực hiện: cả năm 2018.

4. Báo cáo về tình hình thi hành pháp luật:

a) Báo cáo về tình hình thi hành pháp luật của Sở-ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận-huyện

- Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện thực hiện báo cáo về tình hình thi hành pháp luật trong đó có tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành gửi cho Sở Tư pháp và Sở (ngành) được giao là đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018.

- Nội dung báo cáo thực hiện theo Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật và triển khai, hướng dẫn của Sở Tư pháp (nếu có).

- Thời hạn báo cáo: Thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Sở Tư pháp.

b) Báo cáo về tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở báo cáo của Sở (ngành) được giao là đơn vị chủ trì, thông tin tổng hợp, đánh giá từ kết quả của hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật của Đoàn kiểm tra liên ngành, hoạt động điều tra, khảo sát (nếu có), Sở Tư pháp xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng Sở - ban, ngành thành phố:

a) Chủ động xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 của đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

b) Xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ đơn vị mình quản lý, gửi về Sở (ngành) được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 và Sở Tư pháp đúng thời hạn, đảm bảo đầy đủ về nội dung theo yêu cầu nêu tại Khoản 4 Mục IV Kế hoạch này.

c) Phối hợp thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành, đề nghị của Sở Tư pháp (nếu có).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 của địa phương mình và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố; phân công, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thực hiện theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm của thành phố và bảo đảm các điều kiện cho việc tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

c) Xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn quận-huyện, trong đó có lĩnh vực trọng tâm theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố, gửi về Sở (ngành) được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, liên ngành năm 2018 và Sở Tư pháp đúng thời hạn, đảm bảo đầy đủ về nội dung theo yêu cầu nêu tại Khoản 4 Mục IV Kế hoạch này.

d) Phối hợp thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Đoàn Kiểm tra liên ngành, đề nghị của Sở Tư pháp (nếu có).

Phòng Tư pháp quận-huyện có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện trong việc xây dựng Kế hoạch; triển khai thực hiện Kế hoạch; triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố; tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân quận-huyện hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân quận-huyện

phân công phòng, ban chuyên môn xây dựng báo cáo gửi Sở (ngành) chủ trì, Sở Tư pháp theo yêu cầu nêu tại Khoản 4 Mục IV Kế hoạch này.

2. Giám đốc Sở Tư pháp

a) Chủ trì, tổ chức thực hiện Kế hoạch này và hướng dẫn, đôn đốc các Sở-ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận-huyện thực hiện.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xác định lĩnh vực trọng tâm thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Mục II của Kế hoạch này.

c) Căn cứ tình hình và yêu cầu thực tế, chủ động ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, ban hành Kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc tổ chức kiểm tra đối với những lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của các Sở-ban, ngành thành phố có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc bất cập (nếu có).

e) Chủ động quyết định tổ chức hội nghị, tập huấn, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

g) Chủ trì, triển khai, hướng dẫn và xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ trưởng Sở-ngành thành phố được phân công là đơn vị chủ trì thực hiện theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành có trách nhiệm

a) Đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm, kịp thời cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật để Sở (ngành) mình tổng hợp theo yêu cầu nêu tại Khoản 4 Mục IV Kế hoạch này.

b) Phối hợp thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên ngành, đề nghị của Sở Tư pháp (nếu có).

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm trên địa bàn Thành phố, đảm bảo đầy đủ về nội dung, gửi Sở Tư pháp đúng thời hạn theo yêu cầu nêu tại Điểm c Khoản 4.1 Mục IV của Kế hoạch này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Tòa án nhân dân

thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Đoàn Luật sư thành phố, Hội Luật gia thành phố cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Sở Tư pháp và các Sở (ngành) được phân công chủ trì thực hiện theo dõi đối với lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

5. Kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo các quy định hiện hành có quy định nội dung chi, mức chi cho các hoạt động tương ứng. Cụ thể:

- Hoạt động hội nghị, tập huấn, kiểm tra thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Hoạt động thống kê báo cáo thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

- Hoạt động điều tra khảo sát thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; và các quy định khác có liên quan.

b) Đối với các hoạt động do Sở Tư pháp chủ trì, thực hiện (bao gồm các hoạt động do Ủy ban nhân dân thành phố giao thực hiện, như: tổ chức hội nghị, tập huấn; tổ chức công tác kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật; xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn thành phố):

Kinh phí thực hiện trong dự toán kinh phí không tự chủ năm 2018 của Sở Tư pháp và giao Sở Tài chính hướng dẫn Sở Tư pháp dự toán, quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành.

c) Đối với các hoạt động thuộc trách nhiệm của các Sở-ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận-huyện:

Các cơ quan thực hiện việc lập dự toán, phân bổ kinh phí thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6667/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội,
ngân sách thành phố và Chương trình công tác
của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội: số 48/2017/QH14 của Quốc hội ngày 10 tháng 11 năm 2017 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; số 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Kết luận số 253-KL/TU ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Thành ủy tại Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa X về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách năm 2017 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố: số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2018 và số 27/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2018;

Xét Công văn số 11788/SKHĐT-TH ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về dự thảo Quyết định kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố và Chương trình công tác năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung và tích cực triển khai thực hiện 7 Chương trình đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ thành phố, gắn với việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng,

năng lực cạnh tranh của kinh tế thành phố gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Tập trung phát triển một số kết cấu hạ tầng đồng bộ trọng điểm gắn với chỉnh trang đô thị, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến trình xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Tổng sản phẩm nội địa (GRDP) tăng 8,3 - 8,5%.
2. Tỷ trọng đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào GRDP trên 36%.
3. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 35% GRDP.
4. Thu ngân sách đạt 100% dự toán.
5. Thành lập mới 46.000 doanh nghiệp.
6. Giảm 1% hộ nghèo theo chuẩn Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 - 2020.
7. Tạo việc làm mới cho 130.000 lao động.
8. Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo nghề đạt 80%.
9. Tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 3,3%.
10. Diện tích nhà ở xây dựng mới đạt 8 triệu m².
11. Diện tích nhà ở bình quân đầu người 19,1 m²/người.
12. Đạt 270 phòng học/10.000 dân trong độ tuổi đi học (từ 3 đến 18 tuổi).
13. Đạt 18 bác sỹ/10.000 dân.
14. Đạt 42 giường bệnh/10.000 dân; đạt 45,5 m² sàn xây dựng/1 giường bệnh.
15. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 85,2%.
16. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt 100%. Tổng lượng khai thác nước dưới đất giảm 31,2% so với năm 2017.
17. Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
18. Tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp đạt 95%.
19. Tỷ lệ xử lý nước thải y tế đạt 100%.

20. Phần đầu nâng cao chỉ số xếp hạng năm 2018 về hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-index) như sau:

- PAPI vào nhóm 16 địa phương dẫn đầu cả nước.
- PCI vào nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước.
- PAR-index vào nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước.

Điều 3. Các nhiệm vụ cụ thể theo phụ lục Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018 (đính kèm).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, doanh nghiệp thuộc thành phố xây dựng kế hoạch hành động cụ thể của ngành, đơn vị; trong đó quy định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian và phân công cụ thể lãnh đạo, đơn vị, cán bộ phụ trách, thực hiện; hàng quý có kiểm điểm, đánh giá tình hình và báo cáo theo quy định.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu, bố trí để Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố họp thông qua Kế hoạch, chương trình hoạt động năm 2018 của các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố trong tháng 1 năm 2018.

2. Trong quá trình triển khai kế hoạch, yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, doanh nghiệp thuộc thành phố quản lý chú ý tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm hoạt động công vụ; kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; thực hiện cơ chế khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Chủ động theo dõi, giám sát để đề xuất chính sách phù hợp và linh hoạt; kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ và cơ quan nhà nước. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân. Nâng cao vai trò gương mẫu, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương, đơn vị.

3. Định kỳ hàng tháng, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức làm việc với Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố; hàng quý tổ chức giao ban, làm việc chuyên đề giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các nhiệm vụ, chỉ tiêu và công việc được giao; thực hiện

nghiêm chế độ báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 hàng tháng và tháng cuối quý.

4. Sở Nội vụ hướng dẫn thang điểm thi đua và chế độ khen thưởng năm 2018 tương ứng với các nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán thu chi ngân sách và của thành phố. Các sở - ban - ngành, quận - huyện tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với nội dung Quyết định này.

5. Trước ngày 10 tháng 11 năm 2018, các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2018 và báo cáo kế hoạch năm 2019 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thực hiện Quyết định này, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 11 năm 2018.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể thành phố chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hiệp hội,... của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2018.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp trực thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

PHỤ LỤC
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6667/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
I	Kinh tế				
1	Báo cáo tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh quý I; 6 tháng, 9 tháng và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đến cuối năm 2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	Tháng 3, 6, 9/2018	
2	Chi thị về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách thành phố và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	Tháng 7/2018	
3	Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 3 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	Tháng 9/2018	
4	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2018; kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh thành phố năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	Tháng 11/2018	
5	Báo cáo kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	Tháng 12/2018	
6	Danh mục các dự án nhóm A sử dụng ngân sách của Thành phố theo quy định của Luật Đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở-ngành có dự án thuộc lĩnh vực phụ trách	Quý II/2018	
7	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và dự kiến kế hoạch năm 2019 của Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện liên quan	Tháng 11/2018	
8	Đề án bổ sung phí mới; tăng mức hoặc tỷ lệ thu phí của 1 loại phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định.	Cơ quan quản lý thu phí	Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
9	Đề án thí điểm tăng mức hoặc thuế suất đối với một số hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường	Cục thuế	Các đơn vị liên quan	Quý III/2018	

10	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước định kỳ (quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2018)	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện	Tháng 3, 6, 9, 11/2018	
11	Báo cáo ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2018 và dự toán thu chi ngân sách năm 2019. Quyết định giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2019	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận huyện	Tháng 12/2018	
12	Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố năm 2017	Sở Tài chính	Sở - ban - ngành; Ủy ban nhân dân các quận huyện	Tháng 12/2018	
13	Đề án tăng thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
14	Phân bổ ngân sách thành phố	Sở Tài chính		Quý IV/2018	
15	Đề xuất bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách thành phố (nếu có thu vượt dự toán).	Sở Tài chính		Hàng năm	
16	Rà soát tài sản công gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố	Sở Tài chính	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
17	Đề xuất phương án sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	Sở Tài chính		Quý II/2018	
18	Đề án huy động phát hành trái phiếu chính quyền địa phương hàng năm (nếu có)	Sở Tài chính		Hàng năm	
19	Đề án "Phát triển xuất khẩu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030"	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Tháng 3/2018	
20	Chương trình Bình ổn thị trường năm 2018 và Tết Kỳ Hoi năm 2019	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Năm 2018	
21	Chương trình Bình chọn sản phẩm công nghiệp - công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2018	Sở Công thương	Các đơn vị có liên quan	Tháng 12/2018	

22	Phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan	Tháng 12/2018	Chuyển tiếp năm 2017
23	Kế hoạch triển khai ISO năm 2018	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2018	
24	Đề án xây dựng Trung tâm thông tin thống kê khoa học công nghệ và Sản giao dịch công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	Quý II/2018	
25	Kế hoạch tổ chức “Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018”	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	Quý III/2018	
26	Đề án nâng cấp không gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Sihub)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	Quý IV/2018	
27	Đề án xây dựng Công viên phần mềm Quang Trung 2	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở - ngành; Ủy ban nhân dân quận - huyện; các viện, trường, hiệp hội	Quý I/2018	Chuyển từ năm 2017
28	Nghiên cứu tìm cơ chế chính sách về tài chính cho các cơ quan báo chí Thành phố (cơ chế tự chủ tài chính)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ngành có liên quan	Quý IV/2018	
29	Xây dựng các ki ốt bán báo (hỗ trợ các cơ quan báo chí trong công tác phát hành)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ngành có liên quan	Quý IV/2018	
30	Tổ chức điểm đến cho các nhà đầu tư nước ngoài tìm hiểu về điều kiện môi trường đầu tư Thành phố tại vị trí 92 - 96 Nguyễn Huệ, Q1	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các tổ chức xúc tiến trong và ngoài nước, các sở ngành liên quan	Tháng 2/2018	
31	Hội nghị gặp gỡ giữa Lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 3/2018	
32	Chương trình khảo sát sản phẩm trái cây vào Dubai	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Dubai, các tổ chức xúc tiến tại Dubai	Tháng 3/2018	
33	Chương trình xúc tiến thương mại vào thị trường Hồng Kông	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Văn phòng đại diện Công ty quảng cáo truyền thông và triển lãm	Tháng 4/2018	
34	Chương trình xúc tiến thương mại vào thị trường Myanmar	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Myanmar, các sở-ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan tại Thành phố	Tháng 4/2018	

35	Chương trình xúc tiến đầu tư vào thị trường Nhật Bản	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản; các sở-ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan tại Thành phố	Tháng 4/2018	
36	Chương trình xúc tiến đầu tư vào thị trường Hàn Quốc	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc; các sở-ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan tại Thành phố	Tháng 5/2018	
37	Chương trình xúc tiến thương mại vào thị trường Lào	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng	Tháng 7/2018	
38	Chương trình xúc tiến đầu tư vào thị trường Hoa Kỳ	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ; các tổ chức xúc tiến tại Hoa Kỳ	Tháng 7/2018	
39	Tổ chức Hội chợ triển lãm vật liệu xây dựng và trang trí nội thất giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh/thành phía Nam	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở - ngành liên quan	Tháng 9/2018	Chuyển từ năm 2017
40	Diễn đàn Xuất khẩu 2018	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở - ngành Thành phố	Tháng 9/2018	
41	Chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư vào thị trường Pháp	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp	Tháng 9/2018	
42	Tuần lễ sản phẩm Thành phố Hồ Chí Minh - ASEAN	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở - ngành Thành phố	Tháng 10/2018	
43	Chương trình xúc tiến thương mại vào thị trường Campuchia	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia, các Sở-ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan tại Thành phố	Tháng 10/2018	

44	Triển lãm ngành Công nghiệp hỗ trợ Thành phố Hồ Chí Minh	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản (JETRO)	Tháng 10/2018	
45	Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Thành phố Hồ Chí Minh	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở ngành có liên quan	Tháng 10/2018	
46	Chương trình xúc tiến đầu tư tại thị trường Cuba - Mexico	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Cuba-Mexico; các tổ chức xúc tiến tại Cuba-Mexico	Tháng 11/2018	Chuyển từ năm 2017
47	Hội chợ Nông nghiệp Công nghệ cao và Công nghiệp Thực phẩm 2018	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở - ngành Thành phố	Tháng 11/2018	
48	Chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư vào thị trường Nga	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Đại sứ quán Việt Nam tại Ý, các sở ngành, Hiệp hội ngành nghề có liên quan tại Thành phố	Tháng 11/2018	
49	Ngày hội cá cảnh Thành phố Hồ Chí Minh 2018	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	Các Sở - ngành Thành phố	Tháng 11/2018	
50	Đề xuất ứng vốn ngân sách thành phố thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn thành phố thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách trung ương. Trước mắt, đề xuất phương án triển khai đường Vành đai 3 bằng chuyển đổi vốn và hợp tác công tư.	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan	Tháng 5 năm 2018	
II	Văn hóa - xã hội				
1	Đề án đăng cai SEA GAMES 31 năm 2018 tại Thành phố	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở-ban-ngành đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận-huyện	Quý I/2018	
2	Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa đến năm 2030	Sở Văn hóa và Thể thao	Các Sở-ban-ngành đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận-huyện	Quý IV/2018	

3	Chương trình kết nối hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế qua mạng điện tử	Sở Y tế	Các Sở-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện có liên quan	Quý IV/2018	Chuyển từ năm 2017
4	Kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2018	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
5	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố năm 2018	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
6	Kế hoạch Đào tạo nghề nghiệp và tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
7	Kế hoạch rà soát, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho thanh niên giai đoạn 2018 – 2020	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
8	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật để đào tạo trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
9	Triển khai thực hiện chương trình điều trị nghiện bằng thuốc thay thế và thuốc đối kháng tại các cơ sở cai nghiện ma túy (2016-2020)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
10	Sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 về Đề án “đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào Cơ sở xã hội trên địa bàn thành phố”	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
11	Kiểm tra rà soát những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách pháp luật và báo cáo, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tư pháp	Quý IV/2018	
12	Sơ kết 03 năm thực hiện Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 09/5/2014 về thực hiện Đề án “Đổi mới công tác cai nghiện ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2018	

13	Trình Lãnh đạo Thành phố thăm người cao tuổi nhân ngày Người cao tuổi Việt Nam (06/6/2018) và nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Tháng 5 và tháng 12/2018	
14	Kế hoạch tổ chức “Tháng hành động vì Người cao tuổi trên địa bàn Thành phố” năm 2018	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
15	Phương án thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
16	Trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương tổ chức Hội trại Người khuyết tật năm 2018 tại Khu du lịch văn hóa Suối Tiên	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
17	Tổ chức thăm và tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày Thương binh liệt sĩ 27/7 cho các đối tượng chính sách có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân 24 quận-huyện	Quý II/2018	
18	Tổ chức viếng Nghĩa trang Thành phố nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất, ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 và ngày Thương binh liệt sĩ 27/7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân 24 quận-huyện	Quý II và quý III/2018	
19	Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
20	Kế hoạch tổ chức “Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động” lần 2 năm 2018	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
21	Kế hoạch triển khai thực hiện thu thập và xử lý thông tin cung, cầu lao động trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016 - 2020 (Theo Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động) và tổ chức thực hiện định kỳ hàng năm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Năm 2018	
22	Kế hoạch triển khai công tác hỗ trợ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, thân nhân của người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Năm 2018	

23	Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
24	Quyết định ban hành quy chế quản lý kinh phí chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
25	Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ trợ cấp đối với công chức, viên chức, người lao động tại các Cơ sở bảo trợ xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
26	Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/HĐ/TU ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
27	Tổ chức Hội nghị sơ kết năm 2017 về Đề án Quan hệ lao động giai đoạn (2014 - 2020)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Tháng 5/2018	
28	Xây dựng "Quy chế phối hợp điều tra tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động khác có dấu hiệu tội phạm xảy ra trên địa bàn thành phố"	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
29	Xây dựng Kế hoạch triển khai đề án "Nâng cao năng lực thanh tra Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội".	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
30	Xây dựng Kế hoạch "Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ giảm nghèo và Tổ tự quản giảm nghèo"	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
31	Sơ kết, tổng kết đánh giá các nội dung triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2018	
32	Xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu truyền thông đa phương tiện dùng chung cho các cơ quan báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ngành có liên quan	Quý IV/2018	
33	Thành lập Trung tâm báo chí thành phố Hồ Chí Minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở ngành có liên quan	Quý IV/2018	

III	Đô thị - Môi trường				
1	Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025	Sở Xây dựng	Các Sở ngành liên quan	Quý II/2018	Chuyển từ năm 2017
2	Chương trình phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025	Sở Xây dựng	Các Sở ngành liên quan	Quý IV/2018	Chuyển từ năm 2017
3	Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các Sở ngành liên quan	Quý II/2018	Chuyển từ năm 2017
4	Xây dựng quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
5	Xây dựng quy định về thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2018	
6	Xây dựng quy định quản lý nghĩa trang trên địa bàn thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý IV/2018	
7	Xây dựng quy định hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp khu vực để tính bồi thường, hỗ trợ các dự án trên địa bàn Thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
8	Xây dựng quy định về trình tự thủ tục xác định phương án giá đất, phương án hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ, giá chuyển nhượng nền đất, giá thuê căn hộ chung cư tái định cư để triển khai thực hiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
9	Xây dựng quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý I/2018	
10	Xây dựng quy định về các yêu cầu cơ bản và đặc tính kỹ thuật của hệ thống quan trắc nước thải, khí thải động, liên tục	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
11	Xây dựng bộ đơn giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn TP.HCM theo thông tư 20/2017/TT-BTNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
12	Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quy Bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý III/2018	
13	Xây dựng danh mục các chương trình thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố năm 2018	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Quý II/2018	
14	Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân quận-huyện	Tháng 5/2018	

IV	Cải cách hành chính				
1	Đề án phân cấp ủy quyền cho các sở-ngành, quận-huyện	Sở Nội Vụ	Các sở-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện	Quý I/2018	
2	Đề án kiện toàn các Ban Quản lý dự án	Sở Nội vụ	Các Ban Quản lý	Quý II/2018	
3	Tổng kết đánh giá mô hình tổ chức và hoạt động của Ấp, Khu phố, Tổ Nhân dân, Tổ Dân phố	Sở Nội Vụ	Các Sở-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện	Quý II/2018	
4	Biên soạn lịch sử 70 năm Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Nội Vụ	Các sở, ngành liên quan; các Ban Thành ủy; Phó GS-TS Phan Xuân Biên	Quý II/2018	Chuyển từ năm 2017
5	Dự án số 513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng CSDL về địa giới hành chính" tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Nội Vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận-huyện; các Sở-ngành liên quan	Quý IV/2018	Chuyển từ năm 2017
6	Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ vào Nghị quyết số 54/2017/QH1 của Quốc hội để tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản mới cho phù hợp với việc thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố	Sở Tư pháp	Các Sở-ngành liên quan	Công việc thường xuyên	
7	Đề án "Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý" đến năm 2021	Sở Tư pháp	Hội Luật gia Thành phố, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Đoàn Luật sư Thành phố, Hội Công chứng Thành phố và các tổ chức hành nghề luật	Quý III/2018	
8	Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố giai đoạn 2017 - 2020	Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp	Sở Tài chính, các cơ quan liên quan	Quý I/2018	
9	Đề án sắp xếp tổ chức, điều chỉnh tên gọi, chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Nội vụ	Các sở ngành liên quan	Tháng 4/2018	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2018

CHỈ THỊ

Về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2018

Phong trào hiến máu tình nguyện tại thành phố Hồ Chí Minh đã được duy trì thường xuyên và phát triển trong những năm qua, đây là một trong những hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân đạo, từ thiện được cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và nhân dân thành phố hưởng ứng nhiệt tình. Năm 2017, phong trào hiến máu tình nguyện của thành phố đạt trên 91% chỉ tiêu được giao, đã cung cấp cho ngành y tế đáp ứng một phần nhu cầu về máu cấp cứu và điều trị cho bệnh nhân tại các bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm đảm bảo đủ máu an toàn cho cấp cứu và điều trị bệnh nhân tại thành phố trong năm 2018; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan đơn vị, công ty, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phấn đấu đạt trên 230.000 lượt người hiến máu, trong đó đạt trên 65 % là túi máu loại 350ml-450ml, chất lượng máu sạch, tốt đạt trên 94%.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố, lực lượng vũ trang, các công ty, xí nghiệp, trường học trên địa bàn thành phố có kế hoạch cụ thể vận động ít nhất 30% cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, sinh viên hiến máu tình nguyện trong năm 2018; đồng thời phối hợp với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) hoặc Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y Tế) tổ chức tốt các địa điểm tiếp nhận máu tại cơ quan, đơn vị; bộ phận y tế các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và tuyển chọn người hiến máu đủ điều kiện tham gia hiến máu, phấn đấu đạt trên 120.000 lượt người hiến máu trong năm. Trong đó Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) tiếp nhận 50.000 lượt người hiến máu và Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) vận động và tiếp nhận

70.000 lượt người hiến máu (Thành Đoàn vận động trên 40.000 lượt người).

3. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) và Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện các quận, huyện, phường, xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt trên 110.000 lượt người hiến máu đạt chất lượng máu tốt; tích cực tuyên truyền vận động hiến máu tình nguyện phù hợp với nguyên tắc nhân đạo quốc tế Hội Chữ thập đỏ Quốc tế và thực hiện đúng chế độ bồi dưỡng sức khỏe đối với người hiến máu tình nguyện theo Thông tư số 05/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Bộ Y tế. Tăng cường vận động phát triển lực lượng hiến máu dự bị để sẵn sàng cung cấp máu khi có yêu cầu.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài thành phố phối hợp với Hội Chữ thập đỏ thành phố có kế hoạch thông tin tuyên truyền sâu rộng, vận động nhân dân thành phố tích cực tham gia hiến máu tình nguyện trong năm 2018; đặc biệt là “Chiến dịch vận động hiến máu tình nguyện dịp Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân Hồng” năm 2018 theo hướng dẫn của Trung ương Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam.

5. Đài Truyền hình thành phố phối hợp Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố), Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Sở Y tế) để xây dựng kế hoạch tuyên truyền về công tác hiến máu tình nguyện của thành phố năm 2018, hàng năm nhân ngày 07 tháng 4 “Ngày toàn dân hiến máu tình nguyện”, ngày 14 tháng 6 “Ngày thế giới tôn vinh người hiến máu”, mở chuyên mục “Hiến máu cứu người” để tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân hiểu ý nghĩa nhân đạo trong các đợt cao điểm của chương trình hiến máu tình nguyện.

6. Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Truyền máu Huyết học phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) thực hiện các quy trình chuyển giao máu đạt số lượng, chất lượng theo yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật, trang thiết bị xét nghiệm, phân tích máu, để bảo đảm an toàn trong truyền máu cho bệnh nhân, đồng thời chỉ đạo các bệnh viện quận, huyện, y tế của các cơ quan Sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, công ty, xí nghiệp, trường học tích cực tham gia tuyên truyền vận động hiến máu.

7. Trung tâm Hiến máu nhân đạo (Hội Chữ thập đỏ thành phố) có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ tiếp nhận máu; phối hợp với Ban Thi đua – Khen thưởng thành phố (Sở Nội vụ) kịp thời đề xuất tôn vinh, khen thưởng những tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện của thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn

thể và các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang, các trường học trên địa bàn thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kế hoạch cụ thể vận động, tuyên truyền tổ chức cho cán bộ, nhân dân tham gia hiến máu đạt chỉ tiêu trong năm 2018./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thu

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU
HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2018**

Số TT	Quận - huyện	Lượt người	Chỉ tiêu 350 - 450
1	Quận 1	4200	2.730
2	Quận 2	2900	1.820
3	Quận 3	4200	2.730
4	Quận 4	3500	2.210
5	Quận 5	4500	2.795
6	Quận 6	5200	3.250
7	Quận 7	5000	2.990
8	Quận 8	5500	3.445
9	Quận 9	4500	2.795
10	Quận 10	4900	3.185
11	Quận 11	4200	2.730
12	Quận 12	4300	2.730
13	Quận Phú Nhuận	4000	2.665
14	Quận Bình Thạnh	7000	4.420
15	Quận Gò Vấp	6600	4.225
16	Quận Thủ Đức	6500	4.030
17	Quận Tân Bình	5000	3.250
18	Quận Tân Phú	5000	3.055
19	Quận Bình Tân	5800	3.770
20	Huyện Bình Chánh	4900	3.120
21	Huyện Củ Chi	5500	3.445
22	Huyện Hóc Môn	3800	2.470
23	Huyện Nhà Bè	2000	1.300
24	Huyện Cần Giờ	2000	1.300
		110.000	72,150

25	Trung tâm Hiến máu nhân đạo TP tiếp nhận từ: Thành Đoàn (40.000); các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, đơn vị khác (30.000)	70.000	42.250
26	Bệnh viện Truyền máu Huyết học tiếp nhận từ: Hội sinh viên (20.000); Sở Y tế (3.000); Sở Giáo dục và Đào tạo (2.000); Sở Giao thông vận tải (1.000); Sở Công thương (2.000) và các đơn vị khác (22.000)	50.000	35.750
Tổng cộng		230.000	149.500

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

CHỈ THỊ

Về việc phát động phong trào thi đua

Thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X; năm đầu tiên Thành phố tập trung triển khai thực hiện Kết luận số 21 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội cho phép Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Phát huy kết quả đạt được trong năm 2017 và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình, kế hoạch công tác trọng tâm của Thành phố năm 2018 phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo kế hoạch 05 năm (2016 - 2020), Ủy ban nhân dân thành phố phát động phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, với các nội dung cụ thể sau:

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2016 - 2020) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2018; Trên cơ sở xây dựng nội dung phát động phong trào thi đua cần bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, để góp phần cùng Thành phố thực hiện hoàn thành và vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018, tạo đà thực hiện thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cụ thể: Tổng sản phẩm nội địa (RGDP) tăng 8,3 - 8,5%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 35% GRDP; Tổng thu ngân sách đạt 100% dự toán (376.780 tỷ đồng).

2. Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước năm 2018 với khẩu hiệu **“Đổi mới - Sáng tạo để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh, hiện đại”** gắn với nội dung trọng tâm **“Quyết tâm thực hiện đạt hiệu quả các nội dung 07 chương trình đột phá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X”**. Trong đó, tập trung chỉ đạo các phong trào thi đua trọng tâm như: phong trào “Cả thành phố chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020, phong trào “Giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2016 - 2020, phong trào “Doanh nghiệp, doanh nhân

đồng hành cùng thành phố đổi mới - phát triển” giai đoạn 2017 - 2022, phong trào “Thanh niên thành phố khởi nghiệp - lập nghiệp” giai đoạn 2017 - 2022; Bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; tổ chức phát động sâu rộng phong trào thi đua yêu nước lồng ghép với các phong trào “Thi đua quyết thắng”, phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc” của Lực lượng vũ trang, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phát động, các phong trào trên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, cải cách hành chính và các phong trào thi đua khác nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng, bảo vệ và phát triển Thành phố.

3. Nâng cao chất lượng quân lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, đặc biệt là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng chính đồn Đảng và sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cùng các đoàn thể thành phố phát huy tinh thần sáng tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với phong trào thi đua, biến nhận thức thành hành động cụ thể thiết thực, để tạo động lực mạnh mẽ trong các phong trào thi đua yêu nước của Thành phố.

4. Nội dung phong trào thi đua cần tập trung triển khai thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù để Thành phố phát triển nhanh, bền vững nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của kinh tế gắn với tái cấu trúc kinh tế theo chiều sâu, chất lượng, hiệu quả; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với chính trang đô thị, kéo giảm ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy nhanh quá trình xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

5. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 và Kế hoạch số 6096/KH-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về phát động phong trào thi đua và tổ chức hoạt động kỷ niệm 70 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Thi đua ái quốc (11/6/1948 - 11/6/2018) bằng các công trình, các phong trào thi đua cụ thể, có ý nghĩa thiết thực, đem lại hiệu quả cao góp phần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

6. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động cụm, khối thi đua từ Thành phố đến cơ sở, bảo đảm việc sinh hoạt chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình giải pháp thiết thực, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong phong trào thi đua của Thành phố và cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp.

7. Công tác khen thưởng phải tập trung chỉ đạo từ khâu đề xuất, lựa chọn, phải thực sự dân chủ, công khai, đảm bảo đúng quy trình, đúng thành tích, đúng đối tượng và tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; chú ý khen thưởng người trực tiếp lao động sản xuất, cán bộ cơ sở, cán bộ công tác ở những lĩnh vực, địa bàn khó khăn. Tiếp tục thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới và các mô hình hiệu quả; kịp thời biểu dương, tôn vinh khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến gắn với việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

8. Tổ chức thực hiện:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch, phát động phong trào thi đua trên tinh thần cụ thể hóa những nội dung của Chỉ thị này. Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và tuyên dương khen thưởng kịp thời để động viên các nhân tố mới, những tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, tạo sự phấn khởi và động viên tinh thần hăng hái thi đua lao động sản xuất, học tập và công tác của các đối tượng tham gia thi đua; báo cáo định kỳ tiến độ thực hiện và kết quả của phong trào thi đua theo quy định về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể chính trị xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân để tham gia thực hiện các phong trào thi đua của Thành phố. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân; sự phối hợp và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị đối với công tác thi đua, khen thưởng trong giai đoạn mới.

c) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hoá và Thể thao (Thường trực Ban Tổ chức các ngày lễ lớn) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng của Thành phố và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động về phong trào thi đua yêu nước, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, gương điển hình tiên tiến và nhân tố mới trong phong trào thi đua yêu nước của Thành phố.

d) Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua thuộc Thành phố, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động cụm, khối; xây dựng nội dung sinh hoạt chuyên đề thi đua gắn với nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời tổ chức tốt các phong trào phát huy sáng kiến các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao để tạo không khí thi đua sôi nổi, rộng khắp ở các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân Thành phố.

e) Giao Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ), tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này; đồng thời có nhiệm vụ phối hợp với các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và báo cáo thường xuyên, kịp thời về tình hình, tiến độ triển khai và kết quả thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị; giúp Hội đồng

Thi đua - Khen thưởng thành phố thẩm định thành tích để xem xét biểu dương, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng chính xác, kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Tổng công ty, công ty và các đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo định kỳ 06 tháng và tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ)/.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 502/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 167/TTr-STP-KTrVB ngày 05 tháng 01 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục (94) văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ (gồm 77 văn bản) và một phần (gồm 17 văn bản), thuộc trách nhiệm rà soát của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong kỳ rà soát từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12/2017 (chi tiết xem phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở-ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường-xã-thị trấn và các cá nhân, tổ

chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. (*Kèm theo Phụ lục 1 và 2*)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ
NĂM 2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2017)*

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 1991					
1	Quyết định	964/QĐ-UB ngày 24/12/1991	Về việc điều chỉnh giá biểu thu lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến bãi, cảng...	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2004					
2	Quyết định	150/2004/QĐ-UB ngày 09/6/2004	Ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về Ban hành về Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	28/4/2017
3	Quyết định	190/2004/QĐ-UB ngày 30/07/2004	Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
4	Quyết định	242/2004/QĐ-UB ngày 22/10/2004	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	27/02/2017
NĂM 2005					
5	Quyết định	69/2005/QĐ-UB ngày 05/05/2005	Ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý Nhà nước về giá tại thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 về Ban hành Quy định về cơ chế quản lý, điều hành về giá tại thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018
6	Quyết định	245/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005	Về ban hành mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô và phí tạm dừng, đỗ xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2006					
7	Quyết định	156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006	Về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	Được thay thế bởi Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 Về tổ chức lại “Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố” thành “Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố”.	12/8/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2007					
8	Nghị quyết	09/2007/NQ-HĐND ngày 05/7/2007	Về việc ban hành mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
9	Nghị quyết	19/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007	Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
10	Quyết định	05/2007/CT-UBND ngày 05/02/2007	Về quy định nguồn tài chính và quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 Về việc bãi bỏ văn bản	01/4/2017
11	Quyết định	71/2007/QĐ-UBND ngày 10/05/2007	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, tổ nhân dân	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố	05/5/2017
12	Quyết định	72/2007/QĐ-UBND ngày 10/05/2007	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố	05/5/2017
13	Quyết định	76/2007/QĐ-UBND ngày 16/05/2007	Về thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 Về tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	25/10/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
14	Quyết định	77/2007/QĐ-UBND ngày 22/05/2007	Về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 56/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 Về quy định giá tính thuế tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	01/11/2017
15	Quyết định	139/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007	Về điều chỉnh Quyết định số 190/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn Thành phố	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2008					
16	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008	Về phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
17	Quyết định	05/2008/CT-UBND ngày 27/3/2008	Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, ngăn ngừa, giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 Về việc bãi bỏ văn bản	01/4/2017
18	Quyết định	15/2008/QĐ-UBND ngày 12/03/2008	Ban hành Quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;	Được thay thế bởi Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 về Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	04/5/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
19	Quyết định	87/2008/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Được thay thế bởi Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh	28/8/2017
20	Quyết định	88/2008/QĐ-UBND ngày 20/12/2008	Về thu phí vệ sinh và phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2009					
21	Nghị quyết	08/2009/NQ-HĐND ngày 09/7/2009	Về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn Thành phố	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
22	Nghị quyết	27/2009/NQ-HĐND ngày 11/12/2009	Về thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
23	Nghị quyết	33/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009	Về thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
24	Nghị quyết	35/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009	Về việc thu phí tham quan Khu di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
25	Nghị quyết	37/2009/NQ-HĐND 09/12/2009	Về việc thu lệ phí chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
26	Quyết định	05/2009/QĐ-UBND ngày 20/01/2009	Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện	Được thay thế bởi Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện	15/12/2017
27	Quyết định	13/2009/QĐ-UBND ngày 03/02/2009	Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh.	10/8/2017
28	Quyết định	30/2009/QĐ-UBND ngày 13/4/2009	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố	27/02/2017
29	Quyết định	34/2009/QĐ-UBND ngày 06/5/2009	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.	17/03/2017
30	Quyết định	52/2009/QĐ-UBND ngày	Về điều chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa	Được thay thế bởi Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 về	25/10/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		10/7/2009	học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 16/5/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.	tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	
31	Quyết định	55/2009/QĐ-UBND ngày 22/7/2009	Về ban hành mức thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
32	Quyết định	89/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009	Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về Ban hành Quy chế Đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh.	10/7/2017
33	Quyết định	72/2009/QĐ-UBND ngày 28/9/2009	Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện	Được thay thế bởi Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 11/3/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện.	21/3/2017
34	Quyết định	73/2009/QĐ-UBND ngày 30/09/2009	Ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.	Được thay thế bởi Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.	15/9/2017
NĂM 2010					
35	Nghị	10/2010/NQ-HĐND ngày	Về thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hồ	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	quyết	08/10/2010	Chí Minh	việc bãi bỏ văn bản	
36	Nghị quyết	21/2010/NQ-HĐND ngày 08/12/2010	Về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
37	Quyết định	06/2010/QĐ-UBND ngày 23/01/2010	Về sửa đổi, bổ sung Quy định về quản lý sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố.	Được thay thế bởi Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của thành phố Hồ Chí Minh.	10/8/2017
38	Quyết định	20/2010/QĐ-UBND ngày 29/03/2010	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, tổ nhân dân	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố	05/5/2017
39	Quyết định	21/2010/QĐ-UBND ngày 29/03/2010	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố.	Được thay thế bởi Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25/04/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ấp, khu phố, tổ nhân dân, tổ dân phố	05/5/2017
40	Quyết định	69/2010/QĐ-UBND ngày 22/05/2007	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động	30/11/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
				của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	
41	Quyết định	73/2010/QĐ-UBND ngày 05/10/2010	Sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.	Được thay thế bởi Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 về Ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.	15/9/2017
42	Quyết định	76/2010/QĐ-UBND ngày 08/10/2010	Ban hành Quy định về quy trình thanh tra quản lý, sử dụng đất đai tại thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 về việc bãi bỏ văn bản	16/01/2017
NĂM 2011					
43	Nghị quyết	32/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011	Về thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
44	Quyết định	14/2011/QĐ-UBND ngày 15/3/2011	Ban hành Quy chế tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	20/01/2017
45	Quyết định	1914/QĐ-UBND ngày 15/4/2011	Về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án đấu thầu, đặt hàng thực hiện và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong công tác quản lý,	Được thay thế bởi Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về Ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích	15/10/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa hệ thống hạ tầng thuộc lĩnh vực giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	
46	Quyết định	67/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 về Ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	1/4/2017
47	Quyết định	75/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011	Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về Ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	20/01/2017
NĂM 2012					
48	Nghị quyết	03/2012/NQ-HĐND ngày 01/03/2012	Về việc tăng phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
49	Quyết định	08/2012/QĐ-UBND ngày 06/3/2012	Về tăng mức phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
50	Quyết	16/2012/QĐ-UBND ngày	ban hành Quy trình về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo,	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 Về	15/10/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	định	18/4/2012	đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	việc bãi bỏ văn bản	
51	Quyết định	29/2012/QĐ-UBND ngày 14/7/2012	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.	Được thay thế bởi Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố.	26/01/2017
NĂM 2013					
52	Nghị quyết	09/2013/NQ-HĐND ngày 13/07/2013	Về quy định một số mức chi cụ thể cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 Về chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018
53	Nghị quyết	13/2013/NQ-HĐND ngày 13/07/2013	Về ban hành quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 Về quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước	01/01/2018
54	Nghị quyết	27/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013	Về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
55	Quyết định	06/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013	Về ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
56	Quyết định	16/2013/QĐ-UBND ngày 13/5/2013	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và đào tạo.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh	04/3/2017
NĂM 2014					
57	Nghi quyết	31/2014/NQ-HĐND ngày 30/12/2014	Về tổ chức thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
58	Quyết định	15/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014	Về thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
59	Quyết định	19/2014/CT-UBND ngày 25/08/2014	Về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố.	Được thay thế bởi Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 về Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố	04/5/2017
60	Quyết định	18/2014/QĐ-UBND ngày 09/5/2014	Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 về Ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên	1/4/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011.	địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	
61	Quyết định	27/2014/QĐ-UBND ngày 04/8/2014	Quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	30/6/2017
62	Quyết định	33/2014/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	Quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa.	Được thay thế bởi Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 về Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa	01/01/2018
63	Quyết định	49/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014	Về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú nhất định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú nhất định trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 Về việc quản lý người xin ăn không có nơi cư trú ổn định, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	01/8/2017
NĂM 2015					
64	Nghị quyết	01/2015/NQ-HĐND ngày 29/7/2015	Về phương án thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biên số phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
65	Nghị quyết	17/2015/NQ-HĐND 09/12/2015	Về mức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
66	Quyết định	5614/QĐ-UBND ngày 03/01/2015	Về ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
67	Quyết định	17/2015/QĐ-UBND ngày 20/3/2015	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh	Được thay thế bởi Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh	24/3/2017
68	Quyết định	18/2015/QĐ-UBND ngày 07/04/2015	Ban hành Quy định về tiêu chuẩn công chức phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
69	Quyết định	19/2015/QĐ-UBND ngày 07/4/2015	Ban hành Bộ Đơn giá sản phẩm đo đạc bản đồ và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND 20/01/2017 về ban hành bộ Đơn giá sản phẩm đo đạc bản đồ, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	30/01/2017
70	Quyết định	29/2015/QĐ-UBND ngày 11/6/2015	Bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ- UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh		
71	Quyết định	41/2015/QĐ-UBND ngày 19/8/2015	Về ban hành mức thu lệ phí cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2016					
72	Quyết định	05/2016/QĐ-UBND ngày 01/03/2016	Về sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
73	Quyết định	09/2016/QĐ-UBND ngày 25/3/2016	Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Được thay thế bởi Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	02/4/2017
74	Quyết định	3241/QĐ-UBND ngày 24/6/2016	Về phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế theo	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			quy định tại Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.		
75	Quyết định	39/2016/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	Ban hành Quy chế sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho một số nội dung hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2021	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
76	Quyết định	5371/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công Thành phố Hồ Chí Minh.	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
NĂM 2017					
77	Quyết định	25/2017/QĐ-UBND ngày 28/04/2017	Ban hành Hướng dẫn thực hiện quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Được bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
Tổng số: 77 văn bản					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2017: Không có

C. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2017 VÀ TRONG NĂM 2017: Không có

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN
NĂM 2017

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố
Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực)*

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
NĂM 2004					
1	Nghị quyết	14/2004/NQ-HĐ ngày 16/7/2004 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2004.	Nội dung: “Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận phương án 1 về mức thu như đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng ý tỷ lệ để lại đơn vị cấp nước 1%, phường-xã 15% và phải thực hiện đúng mục đích chi” tại Khoản 7.2 Mục 7 phần II của Nghị quyết	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/01/2018
NĂM 2010					
2	Quyết định	10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà	Điểm c khoản 1 Điều 2 tại Bảng quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-	Được sửa đổi bởi Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi Quyết định	01/9/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.	UBND	số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010	
NĂM 2011					
3	Nghị quyết	28/2011/NQ-HĐND ngày 07/12/2011 của Hội đồng nhân dân về nâng mức phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố và Công an viên	Các nội dung phụ cấp hàng tháng đối với lực lượng Bảo vệ dân phố	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Về điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Dân quân Tự vệ; nâng phụ cấp hàng tháng, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp trang phục đối với lực lượng Bảo vệ dân phố	01/01/2018
NĂM 2012					
4	Quyết định	30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch	Điều kiện tuyển dụng " <i>có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh</i> " tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 30/2012/QĐ-UBND	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/11/2017
NĂM 2014					
5	Nghị quyết	11/2014/NQ-HĐND ngày 11/6/2014 của Hội đồng nhân	Nội dung quy định mức khoán hỗ trợ kinh phí	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày	01/8/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		dân về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp	hoạt động hàng tháng đối với khu phố, ấp tại Khoản 3.1, Điều 1	07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nâng mức hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân	
6	Quyết định	51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019	Nhóm tuyến đường đổi tên, chỉnh đoạn, điều chỉnh, bổ sung giá đất tại Bảng 6 - Bảng giá đất ở các quận – huyện: 2, 6, 9, 10, 11, Thủ Đức, Gò Vấp, Tân Phú, Phú Nhuận, Bình Tân, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ, Nhà Bè, Củ Chi.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 22/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019.	01/8/2017
NĂM 2015					
7	Quyết định	36/2015/QĐ-UBND ngày 24/07/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố	Khoản 4 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/11/2017
8	Quyết	44/2015/QĐ-UBND ngày	Khoản 3 Điều 6 của Quy	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số	01/11/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
	định	09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND	47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	
9	Quyết định	50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh.	Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 6, Điều 13 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ	26/3/2017
NĂM 2016					
10	Nghị quyết	124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.	Nội dung thu " <i>lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch</i> " tại Khoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C Phụ lục 1B	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu " <i>lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch</i> " tại Phụ lục 1B của Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố	01/8/2017
			Nội dung quy định mức thu " <i>lệ phí đăng ký cư trú</i> " tại Khoản 1 Mục II Phụ lục 01	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
			Nội dung quy định mức thu “ <i>lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh</i> ” tại Khoản 4 Mục II Phụ lục số 01	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018
			Nội dung quy định về mức thu phí thăm quan bảo tàng được quy định tại Khoản 10, Mục I, Phụ lục 01	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thăm quan các bảo tàng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao quản lý	01/01/2018
			Nội dung thu phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Điểm 3 Mục I Phụ lục số 01	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí thăm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018
			Điểm 7 mục II Phụ lục số 01	Được thay thế bởi Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	01/01/2018

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
11	Quyết định	03/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về tuyển dụng, chuyển công tác viên chức và xếp lương khi bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> • Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 6 • Nội dung "<i>bản sao hộ khẩu thường trú</i>" tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/11/2017
12	Quyết định	04/2016/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND • Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND 	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/11/2017
13	Quyết định	14/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về tuyển dụng công chức và xếp lương khi bổ nhiệm ngạch ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012	Thành phần hồ sơ " <i>Bản sao giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú ... tốt nghiệp đại học loại giỏi, tuổi đời dưới 30</i> " tại Khoản 2 Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản	01/11/2017
14	Quyết định	20/2016/QĐ-UBND ngày 09/06/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn	Điểm d Khoản 1 Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định 20/2016/QĐ-UBND	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		phòng Ủy ban nhân dân Thành phố			
15	Quyết định	36/2016/QĐ-UBND ngày 19/09/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế đặt hàng và giao kế hoạch cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích ngành tài nguyên và môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND • Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND 	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc bãi bỏ văn bản.	01/11/2017
16	Quyết định	52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Khoản 6 Mục A, Khoản 6 Mục B, Khoản 1 Mục C, Phần 2 Phụ lục 13 Mức thu lệ phí hộ tịch ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ nội dung thu "lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch" tại Phụ lục 13 Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.	01/8/2017
NĂM 2017					
17	Quyết định	32/2017/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 7 • Khoản 4 Điều 9 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của	27/11/2017

Stt	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
		thành phố Hồ Chí Minh		Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND	
Tổng số: 17 văn bản					

B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2017: Không có

C. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2017 VÀ TRONG NĂM 2017: Không có

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 592/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an Thành phố tại Tờ trình số 195/TTr-CATP ngày 22 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh
có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02
năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố, gồm: Công an thành phố, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Thông tư số 42/2017/TT-BCA và các

văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan. Trong công tác phối hợp quản lý, các cơ quan, đơn vị phải phân định rõ ràng, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của từng cơ quan quản lý nhà nước. Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch; tạo mọi điều kiện thuận lợi và đảm bảo môi trường an ninh, trật tự ổn định để tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật.

Điều 4. Cơ quan chủ trì và phối hợp

Giao Công an thành phố là cơ quan chủ trì thực hiện Quy chế này. Các cơ quan phối hợp là Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị khác có liên quan.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP; GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ

Điều 5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chi nhánh, văn phòng đại diện*) ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự thực hiện theo đúng Luật đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư, Luật hợp tác xã, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký quy định tại Khoản 1 Điều này tùy theo yêu cầu thực tế gửi thông báo nội dung đăng ký đến các đơn vị được quy định tại Điều 4 của Quy chế này để phối hợp quản lý. Thời gian thông báo chậm nhất là 05 (Năm) ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Điều 6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

1. Việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Thông tư số 42/2017/TT-BCA và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là Công an thành phố phải thông báo nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hoặc nội dung khác có liên quan đến giấy chứng nhận cho các đơn vị quy định tại Điều 4 của Quy chế này để phối hợp quản lý. Thời gian thông báo chậm nhất là 05 (Năm) ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Chương III

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin

1. Sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân công; chủ động xây dựng phương án, phương tiện kỹ thuật trao đổi thông tin doanh nghiệp với Công an thành phố và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Công an thành phố chủ động thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh để yêu cầu doanh nghiệp hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thực hiện đăng ký thay đổi hoặc điều chỉnh thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định trên cơ sở khai thác Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu phát hiện thông tin đăng ký của doanh nghiệp theo phân cấp quản lý do cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp chưa chính xác.

3. Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

4. Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp thông qua trang thông tin điện tử và hộp thư điện tử của các cơ

quan, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật không truyền qua mạng điện tử hoặc thư điện tử được thì việc trao đổi, cung cấp thông tin thực hiện bằng văn bản.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC PHỐI HỢP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, quán triệt, phổ biến rộng rãi nội dung Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Thông tư số 42/2017/TT-BCA và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến các tổ chức, cá nhân hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và nhân dân biết đề nghiêm túc chấp hành.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thống nhất và quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trên địa bàn thành phố.

3. Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, giải quyết cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho các tổ chức, cá nhân hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo phân cấp quy định tại Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 42/2017/TT-BCA.

4. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc thực hiện điều kiện về an ninh, trật tự cho các cơ sở kinh doanh có điều kiện trên địa bàn thành phố. Đồng thời hướng dẫn phương án bảo đảm an ninh, trật tự cho các cơ sở theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

5. Xây dựng kế hoạch kiểm tra và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 42/2017/TT-BCA, kể cả các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hoặc không có giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mọi vi

phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thông báo kịp thời cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận, huyện danh sách doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vi phạm các quy định, điều kiện an ninh, trật tự để phối hợp quản lý đối với các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không có giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự hoặc không có giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ tính chất mức độ vi phạm để xem xét thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

7. Có kế hoạch chỉ đạo cho Công an quận, huyện, xã, phường, thị trấn nắm chắc tình hình hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố. Nếu phát hiện những sai phạm trong hoạt động kinh doanh phải có biện pháp xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố

1. Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn cho các Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy quận, huyện trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy theo Điều 19 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

2. Phối hợp với Công an thành phố trong công tác nắm tình hình, điều tra cơ bản đối với các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Kịp thời phát hiện và trao đổi thông tin về các cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu về công tác phòng cháy, chữa cháy, nghi vấn hoạt động tệ nạn xã hội, tổ chức sử dụng trái phép ma túy, đánh bạc hoặc chứa chấp các đối tượng trốn truy nã, đối tượng hình sự để chủ động phối hợp kiểm tra, xử lý.

3. Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố, các sở, ban, ngành liên quan tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh thành phố

1. Chủ động phối hợp với Công an thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân quận, huyện rà soát, lập danh sách theo dõi, giám sát các cơ sở kinh doanh, cung ứng dịch vụ nổ mìn, kinh doanh súng bắn sơn; các cơ sở sản xuất, kinh doanh

quân trang, quân dụng, trang thiết bị, phương tiện, khí tài chuyên dụng cho quân sự (kể cả các mặt hàng giả, hàng nhái quân đội, trang phục, khí tài quân đội nước ngoài); cơ sở kinh doanh các loại pháo; cơ sở kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động; hướng dẫn các cơ sở này liên hệ với cơ quan Công an có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự theo quy định.

2. Phối hợp với Công an thành phố và các sở, ngành liên quan khác tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định về kinh doanh và điều kiện về an ninh, trật tự trong các cơ sở kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do lực lượng quân đội quản lý. Xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Cung cấp thông tin đăng ký đến các cơ quan quy định tại Điều 4 Quy chế này để phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định.

2. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng về thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện về kinh doanh và an ninh, trật tự, Phòng Đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư ra thông báo yêu cầu cơ sở tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; đồng thời gửi thông báo cho Công an thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện theo dõi, quản lý theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp Công an thành phố trong việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định đối với các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự nhưng không có giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc phức tạp về an ninh, trật tự trong thời gian dài, gây dư luận xấu, bất bình trong Nhân dân.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về hỗ trợ kinh phí trên cơ sở đề xuất của các đơn vị được quy định tại Điều 4 Quy chế này trong thực hiện việc kiểm tra, xử lý vi phạm, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin điện tử phục vụ công tác quản lý và thực hiện thủ tục hành chính đối với các cơ sở

hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

2. Hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí triển khai, thực hiện công tác phối hợp theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động trong các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo đúng quy định.

2. Chủ trì phối hợp với Công an thành phố và các sở, ban, ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

3. Chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý, kiểm tra, triệt phá, bài trừ các loại tệ nạn xã hội trong các cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Công an thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố và các sở, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại các Khoản 14, Khoản 15, Khoản 16 và Khoản 17, Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP.

2. Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố, Bộ Tư lệnh Thành phố, các sở, ban, ngành liên quan tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện về an ninh, trật tự trong hoạt động kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền pháp luật quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường theo Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. Sau khi cấp Giấy phép phải công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa và Thể thao, đồng thời hỗ trợ tra cứu, cung cấp thông tin đối với trường hợp cụ thể khi có yêu cầu của các đơn vị phối hợp quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ

trường, dịch vụ văn hóa trên địa bàn thành phố, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh tổ chức, cá nhân lợi dụng hoạt động kinh doanh ngành, nghề này để vi phạm pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Du lịch

1. Phối hợp với Công an thành phố trong việc quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch và các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự tại các cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của Luật Du lịch.

2. Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện an ninh, trật tự đối với các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố, góp phần ngăn chặn và xử lý nghiêm minh tổ chức, cá nhân lợi dụng hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch để vi phạm pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về việc quản lý hoạt động dịch vụ xoa bóp trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Công an thành phố tổ chức rà soát, lên danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ (*dùng kỹ thuật y học để giải phẫu làm thay đổi hình dáng, đặc điểm nhận dạng con người*) trên địa bàn thành phố, hướng dẫn các cơ sở này liên hệ với cơ quan Công an có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định.

3. Xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an thành phố kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ xoa bóp (*massage, tẩm quất*), dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ trên địa bàn Thành phố, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh tổ chức, cá nhân lợi dụng hoạt động kinh doanh các ngành, nghề này để vi phạm pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tư pháp và Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Công an thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định 96/2016/NĐ-CP, các văn bản quy pháp pháp luật khác có liên quan và Quy chế này; trong đó lưu ý tăng cường phổ biến trên báo chí và ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Đề án tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật trên báo chí và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2018”.

Điều 20. Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định 96/2016/NĐ-CP, các văn bản quy pháp pháp luật khác có liên quan và Quy chế này theo hướng dẫn của Công an thành phố và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố.

2. Tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo hướng vừa thông thoáng cho cá nhân, doanh nghiệp vừa đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đóng trên địa bàn đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng địa bàn, cơ sở an toàn về an ninh, trật tự; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, tuyệt đối không để các đối tượng lợi dụng ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để vi phạm pháp luật trên địa bàn mình quản lý.

4. Trường hợp phát hiện những vi phạm trong hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc lợi dụng hoạt động này để vi phạm pháp luật trên địa bàn quản lý thì chủ động xử lý theo đúng thẩm quyền pháp luật quy định. Nếu vi phạm vượt thẩm quyền thì kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để có chỉ đạo giải quyết.

5. Khi nhận được văn bản của Công an thành phố về thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với các cơ sở kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện về kinh doanh và an ninh, trật tự, Ủy ban nhân dân quận, huyện ra thông báo yêu cầu và theo dõi việc tạm ngừng kinh doanh của cơ sở hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý; đồng thời gửi thông báo cho Công an thành phố phối hợp theo dõi, quản lý theo quy định.

Chương V**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN****Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện**

Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư có điều kiện về an ninh, trật tự phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định 96/2016/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; việc lợi dụng hoạt động ngành, nghề

đầu tư kinh doanh có điều kiện để vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây ra thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Kinh phí triển khai, thực hiện công tác phối hợp theo Quy chế này

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trên địa bàn thành phố theo Quy chế này được bố trí trong dự toán kinh phí của Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 23. Công tác tổ chức thực hiện

1. Công an thành phố, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này. Cơ quan, đơn vị và cá nhân được phân công thực hiện việc phối hợp theo Quy chế này mà không thực hiện thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định. Nếu có thành tích xuất sắc sẽ được đề nghị khen thưởng kịp thời.

2. Sau 02 (Hai) năm triển khai thực hiện Quy chế này, Công an thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giao Công an thành phố làm đầu mối tập hợp những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp và đảm bảo hiệu quả./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Cách Mạng

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng